

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2019

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Thuận.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2019, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân Th, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Số 20, đường Nguyễn Chí Thanh, tổ 3, khu phố 3, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Số 20, đường Nguyễn Chí Thanh, tổ 3, khu phố 3, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà Th, vắng mặt ông L (Có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 05/8/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2019, đơn yêu cầu tiếp tục thụ lý đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2019, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Th trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông L là người nóng tính, thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ con, vợ chồng thường hay bất đồng về quan điểm nên không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2015, ông L bị yếu về thần kinh nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà và ông L đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể giải quyết được mâu thuẫn, vì vậy bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Tấn Ph sinh ngày 12/02/2002. Khi làm đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu Phong chưa đủ 18 tuổi nhưng đã tự đi làm, vì vậy bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 09/8/2018, đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 05/8/2019, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Xuân Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài vào năm 2002. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà Th không phát sinh mâu thuẫn gì nhiều, tuy nhiên tình trạng sức khỏe và thần kinh của ông bị yếu, bà Th phải đi làm và chăm sóc cho ông, nhận thấy quá vất vả nên bà Th đã bỏ về nhà mẹ ruột để sinh sống từ khi nộp đơn ly hôn cho đến nay. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tòa án xác định quan hệ pháp luật ly hôn trong quá trình giải quyết và đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Xuân Th và ông Huỳnh Văn L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND thị trấn Đức Tài, huyện Đ. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, ông L tính tình nóng nảy hay chửi bới vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng thật sự nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn yêu thương quý trọng nhau. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông L không yêu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn ông Huỳnh Văn L có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt lập ngày 05/8/2019. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xin rút lại một phần nội dung khởi kiện về tranh chấp nuôi con. Do đó, cần ra quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn (bút lục số 02), thấy rằng: Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị Xuân Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào năm 2001, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, tuy nhiên ông L thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên bà Th đã bỏ về nhà mẹ ruột để sinh sống từ khi nộp đơn ly hôn cho đến nay. Ông L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông, thấy rằng ông L cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có nguyện vọng muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th là người khởi kiện ly hôn nên bà phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a

khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp nuôi con.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân Th ly hôn ông Huỳnh Văn L.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025351 ngày 27/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Th đã nộp đủ án phí DSST.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/9/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND huyện Đ,

-Chi cục THA dân sự huyện Đ,

-UBND TT Đức Tài, Đức Linh, Bình Thuận,

-Các đương sự,

-Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận